TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11-2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH B

- Với thành phần HĐXX xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Minh Ch

2/ Ông Hồ Xuân D

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình D – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh L – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý 272/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Thái V sinh năm 1991; nơi cư trú: Khu vực Tr, phường Nh H, thị xã A, tỉnh B, yêu cầu xét xử vắng mặt

*** Bị đơn:** Chị Lương Thị S sinh năm 1996; nơi cư trú: nơi cư trú: Khu vực Tr, phường Nh H, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thái V là nguyên đơn trình bày:*Tìm hiểu 01 năm, anh với chị Sương tự nguyện kết hôn tại UBND phường Nh H, thị xã A, tỉnh B ngày 10/11/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ anh ở Khu vực Tr, phường Nh H, thị xã A, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc. Sau khi sinh người con gái đầu lòng, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thu nhập không đảm bảo chi tiêu sinh hoạt trong

gia đình, từ đó hay kình cải, xích mích. Khoảng tháng 4/2015, vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn chị Sương tự ý bỏ nhà đi đâu làm gì không rõ. Thời gian đầu, chị S gọi điện hỏi thăm sức khoẻ của con một vài lần. Đến năm 2016, chị S chấm dứt liên lạc cho đến nay. Anh tìm mọi cách liên lạc nhưng vẫn không biết chị S ở đâu làm gì. Năm 2020, anh yêu cầu Toà án tuyên bố chị S mất tích. Ngày 15/6/2021, Toà án nhân dân thị xã A mở phiên họp giải quyết việc dân sự và tuyên bố chị S mất tích. Anh yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với chị S.

Anh và chị Sương có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã Tr sinh ngày 11/4/2014 đang ở với anh. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trân và không yêu cầu chị S cấp dưỡng.

Anh không yêu cầu Toà án giải quyết việc phân chia tài sản chung, quyền lợi, nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân với chị S.

* Sau khi thụ lý vụ án theo yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thái V, Toà án thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng chị S vẫn không đến Toà và hiện chị S vắng mặt tại địa phương nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phản, HĐXX, Thư ký phiên toà và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thái V, cho anh Nguyễn Thái V ly hôn với chị Lương Thị S; giao cháu Nguyễn Ngọc Nhã Tr sinh ngày 11/4/2014 cho anh Nguyễn Thái V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, anh V không yêu cầu chị S cấp dưỡng nên miễn xét; tài sản chung anh V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; đề nghị buộc anh V chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Thái V và Lương Thị S tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND phường Nh H, thị xã A, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/11/2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh Vương và chị Sương là hợp pháp. Theo khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu ly hôn của anh V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

[1.2] Về trường hợp vắng mặt của các đương sự: Ngày 17/11/2021 canh Nguyễn Thái V có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; Toà án đã thực hiện thủ tục Niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại thời điểm mở phiên toà chị Lương Thị S vắng mặt do mất tích. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng, Toà án xét xử vắng mặt anh V, chị S.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị S tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND phường Nh H, thị xã A, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 140 ngày 10/11/2014 và chung sống với nhau từ đó. Trong năm đó, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ làm ăn thu nhập không đảm bảo chi tiêu sinh hoạt trong gia đình dẫn đến xung đột kình cải, xích mích. Tháng 4/2015, vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và chị Sương tự ý bỏ nhà đi đâu làm gì không rõ. Sau đó, chị S gọi hỏi thăm sức khoẻ của con một vài lần. Từ năm 2016, chị S chấm dứt liên lạc cho đến nay. Năm 2020, anh V yêu cầu Toà án tuyên bố chị Lương Thị S mất tích. Ngày 15/6/2021, Toà án nhân dân thị xã A ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 56/2021/QĐST-DS tuyên bố chị Lương Thị S mất tích. Theo quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bô luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình "Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Toà án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Toà án giải quyết cho ly hôn". Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V.

[2.2] Trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn: Anh Nguyễn Thái V và chị Lương Thị S có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã Tr sinh ngày 11/4/2014 đang ở với anh V. Anh V yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trân phù hợp với nguyện vọng của cháu nên HĐXX chấp nhận. Anh Nguyễn Thái V không yêu cầu chị S cấp dưỡng nên ghi nhận.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, quyền lợi, nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân: Anh Nguyễn Thái V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Nguyễn Thái V phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 264, Điều 266, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thái V được ly hôn với chị Lương Thị S.

2. Trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn:

Giao cháu Nguyễn Ngọc Nhã Tr sinh ngày 11/4/2014 (đang ở với anh V) cho anh Nguyễn Thái V trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành lao động được.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thái V không yêu cầu chị Lương Thị S cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, theo yêu cầu của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đố Tòa án có thể quyết định mức cấp dưỡng

3. Về quan hệ tài sản chung, quyền lợi, nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân: Anh Nguyễn Thái V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Thái V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004892 ngày 12/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND phường Nh H;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu HSVA, VP.

Thái Văn H